

BỘ TÀI CHÍNH
Số: 393-QĐ/CĐKT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 30 tháng 9 năm 1968

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành chế độ kế toán hợp tác xã tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH

Căn cứ Nghị định số 197-CP ngày 07/11/1961 của Hội đồng Chính phủ quy định nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Bộ Tài chính;

Căn cứ điều 56 của Điều lệ tổ chức kế toán Nhà nước ban hành theo Nghị định số 175-CP ngày 28/10/1961 của Hội đồng Chính phủ;

Căn cứ Nghị quyết số 100-CP ngày 03/7/1968 của Hội đồng Chính phủ về nguyên tắc quản lý tài chính hợp tác xã tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp và giao trách nhiệm cho Bộ Tài chính ban hành chế độ kế toán hợp tác xã tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Nay ban hành chế độ kế toán hợp tác xã tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp, nhằm giúp hợp tác xã tăng cường quản lý kinh tế - tài chính, đẩy mạnh phát triển sản xuất, thực hành tiết kiệm, mở rộng xây dựng cơ sở vật chất, cải thiện từng bước đời sống xã viên, củng cố mối quan hệ sản xuất tập thể xã hội chủ nghĩa.

Điều 2. Chế độ kế toán này áp dụng cho tất cả các hợp tác xã tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp.

Điều 3. Ủy ban hành chính tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương hướng dẫn việc thực hiện chế độ kế toán hợp tác xã tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp cho phù hợp với trình độ phát triển tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp, với đặc điểm các ngành nghề và trình độ tổ chức của hợp tác xã ở địa phương; lãnh đạo Ủy ban hành chính cấp dưới phối hợp các ngành liên quan của tỉnh, thành phố thường xuyên kiểm tra, giúp đỡ hợp tác xã thực hiện nghiêm chế độ kế toán của Nhà nước;

Điều 4. Chế độ kế toán này bắt đầu thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 1969. Những điều quy định trước đây về kế toán hợp tác xã tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp trái với chế độ kế toán này đều bãi bỏ.

KT. BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH
THỨ TRƯỞNG
(Đã ký)

Trịnh Văn Bính

CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN HỢP TÁC XÃ TIỂU CÔNG NGHIỆP, THỦ CÔNG NGHIỆP

Kế toán trong hợp tác xã tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp là công việc tính toán, ghi chép bằng con số để phản ánh, kiểm tra và phân tích tình hình, kết quả hoạt động sản xuất, sử dụng vốn của hợp tác xã.

Kế toán rất cần thiết cho việc quản lý hợp tác xã, nó có tác dụng giúp cho hợp tác xã nắm được tình hình sản xuất, các loại vốn, nguồn vốn một cách chính xác, kịp thời và đầy đủ; giúp cho hợp tác xã kinh doanh có tính toán, có kế hoạch; đảm bảo cho hợp tác xã quản lý và sử dụng tốt tài sản, tiền vốn và lao động... nhằm mục đích phục vụ và thúc đẩy phát triển sản xuất, phục vụ đời sống xã viên, bảo đảm nghĩa vụ với Nhà nước, tăng cường quản lý hợp tác xã, củng cố quan hệ sản xuất tập thể xã hội chủ nghĩa.

Phần thứ nhất
NỘI DUNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN

Điều 1. Hệ thống tài khoản kế toán áp dụng cho các hợp tác xã tiểu công nghiệp và thủ công nghiệp quy định như sau:

Số thứ tự	Tên tài khoản	Số hiệu tài khoản	Số hiệu và tên các tiểu khoản
	Loại I. Tài sản cố định		

Số thứ tự	Tên tài khoản	Số hiệu tài khoản	Số hiệu và tên các tiểu khoản
1	Tài sản cố định	001	1. Đang dùng trong sản xuất, kinh doanh cơ bản.
			2. Đang dùng ngoài sản xuất, kinh doanh cơ bản.
			3. Dùng cho phúc lợi tập thể
			4. Chưa dùng, không cần dùng và chờ thanh toán
2	Sửa chữa, mua sắm và xây dựng cơ bản	011	1. Sửa chữa lớn
			2. Mua sắm và xây dựng cơ bản
	Loại II. Vật liệu		
3	Nguyên liệu và vật liệu chính	021	
4	Vật liệu phụ	022	
5	Nhiên liệu	023	
6	Vật liệu thuê ngoài chế biến	025	
7	Vật rẻ tiền mau hỏng	026	
8	Phụ tùng sửa chữa và thay thế	029	
9	Phế liệu	030	
	Loại III. Chi phí		
10	Chi phí sản xuất	045	Mở tiểu khoản theo địa điểm sản xuất hoặc sản phẩm tính chi phí sản xuất.
11	Chi phí phân xưởng	051	Mở tiểu khoản theo địa điểm của phân xưởng sản xuất.

Số thứ tự	Tên tài khoản	Số hiệu tài khoản	Số hiệu và tên các tiểu khoản
12	Chi phí quản lý	052	
13	Chi phí chờ phân bổ	057	Mở tiểu khoản theo từng loại phân bổ
	Loại IV. Thành phẩm và tiêu thụ		
14	Thành phẩm	060	
15	Tiêu thụ	067	Mở tiểu khoản theo từng loại tiêu thụ
	Loại V. Vốn bằng tiền		
16	Quỹ tiền mặt	070	
17	Tiền gửi ngân hàng	071	
	Loại VI. Thanh toán		
18	Thanh toán thuế	093	1. Thuế hàng hoá
			2. Thuế doanh nghiệp
			3. Thuế lợi tức doanh nghiệp
19	Thanh toán tạm ứng	096	
20	Thanh toán với xã viên	097	
21	Các khoản phải thu	101	
22	Các khoản phải trả	102	
23	Thanh toán với liên hiệp xã	104	
	Loại VII. Nguồn vốn		
24	Nguồn vốn cổ phần nghĩa vụ	121	
25	Nguồn vốn cổ phần huy động	122	
26	Nguồn vốn tích lũy	123	

Số thứ tự	Tên tài khoản	Số hiệu tài khoản	Số hiệu và tên các tiểu khoản
27	Nguồn vốn tích lũy đã thành tài sản cố định	124	
28	Nguồn vốn tích lũy bổ sung vốn lưu động	125	
29	Nguồn vốn khấu hao	126	
30	Nguồn vốn công ích	130	
31	Nguồn vốn vay dài hạn ở ngân hàng	165	
32	Nguồn vốn vay ngắn hạn ở ngân hàng	166	
	Loại VIII. Thu nhập và phân phối		
33	Thu nhập và phân phối	190	

Tài khoản ngoài bảng tổng kết tài sản:

Tài khoản số 1: Khấu hao tài sản cố định.

Tài khoản số 2: Nguyên vật liệu nhận gia công

Tài khoản số 3: Vật tư nhận bảo quản hộ.

Tài khoản số 4: Tài sản cố định thuê ngoài.

Điều 2. Nội dung của các tài khoản

Tài khoản 001 – Tài sản cố định phản ánh tình hình tăng, giảm tài sản cố định của hợp tác xã.

Bên Nợ ghi số nguyên giá trị tài sản cố định tăng lên trong những trường hợp:

- Nhận tài sản cố định của xã viên góp cổ phần;
- Nhận tài sản cố định mua sắm thêm hoặc xây dựng xong bằng các nguồn vốn: tích lũy, khấu hao, công ích;
- Nhận tài sản cố định của các cơ quan, đoàn thể tặng thưởng;
- Nhận tài sản cố định của hợp tác xã khác bàn giao khi sáp nhập;